TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 551/2025/DS-PT
Ngày 28 tháng 5 năm 2025
"Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thuý Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Minh

Ông Trần Ngọc Tuấn

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lượng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 307/2025/TLPT-DS ngày 06 tháng 3 năm 2025 về việc: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2024/DS-ST ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1891/2025/QĐPT-DS ngày 13 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: Công ty trách nhiệm hữu hạn V1. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

+ Ông Trần Phước T, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số D T, ấp Đ, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương; có mặt.

+ Ông Nguyễn Huy D, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số G đường Đ, T, khu phố F, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có: Luật sư Nguyễn Văn Đ - Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

2. ***Bị đơn***: Ông Nguyễn V, sinh năm 1953. Địa chỉ: Số A, thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Văn B - Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; có mặt.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan****:*

3.1 Ủy ban nhân dân tỉnh B; vắng mặt.

3.2 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B; vắng mặt.

3.3 Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1960; vắng mặt.

3.4 Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1984; vắng mặt.

3.5 Ông Nguyễn Quyết T3, sinh năm 1986; vắng mặt.

3.6 Ông Nguyễn Quyết T4, sinh năm 1989; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Địa chỉ: Số A, thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1, ông T2, ông T3 và ông T4 có: Ông Nguyễn V, sinh năm 1953. Địa chỉ: Số A, thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

4. *Người có kháng cáo:* Ông Nguyễn V - Là bị đơn.

NHẬN THẤY:

- Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 3 năm 2018 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng đại diện Công ty TNHH V1 trình bày:

Ngày 19/01/2001 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B (viết tắt UBND tỉnh B) ban hành Quyết định số: 140/QĐ-CT- UBND cho Công ty trách nhiệm hữu hạn V1 (viết tắt Công ty TNHH V1) thuê 750,79 ha đất để thực hiện dự án trồng rừng tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Đến ngày 05/3/2001 Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số: 322/ QĐ-CT- UBND cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R442071 với diện tích 809.9594 ha cho Công ty TNHH V1 thời hạn thuê đất 49 năm, kể từ năm 2001.

Ngày 16/3/2007, UBND tỉnh B có Quyết định số: 723/ QĐ- UBND V/v điều chỉnh Điều 1 -Quyết định số 322/ QĐ-CT- UBND, ngày 05/3/2001 của Chủ tịch UBND tỉnh B cụ thể: "Người sử dụng đất Công ty TNHH V1; Diện tích sử dụng đất : 7.308.460 m^2; Mục đích sử dụng đất : Đất trồng rừng sản xuất; Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê trả tiền hàng năm; Thời gian sử dụng đất: Đến hết năm 2050".

Cuối tháng 02 năm 2015, sau khi Công ty TNHH V1 khai thác xong chu kỳ 3 (2009- 2014) và đang triển khai dọn thực bì chuẩn bị trồng mới chu kỳ 4 (2015-2020), vào hồi 8 giờ ngày 19/5/2025 Công ty phát hiện ông V cùng nhiều hộ dân khác vào chiếm đất, trong đó ông V chiếm khoảng 79.216m^2 đất tại lô số 10. Sau khi đo đạc lại thì giữa Công ty và ông V thống nhất diện tích đất tranh chấp là 46.175,7m^2 đất tại thửa R.tr6-242400 tọa lạc tại xã T, H, tỉnh Bình Thuận.

Do đó, Công ty TNHH V1 khởi kiện yêu cầu: Ông Nguyễn V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ, con của ông V phải chặt bỏ và thu dọn tất cả những cây trồng trái phép trên đất tranh chấp, giao trả diện tích đo đạc thực tế 46.175,7m^2 đất tại thửa R.tr6-242400 tọa lạc tại xã T, H, tỉnh Bình Thuận cho Công ty TNHH V1.

Công ty không đồng ý đối với yêu cầu phản tố của ông Nguyễn V về việc hủy Quyết định số: 140 và Quyết định số: 322 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì nhận thấy những yêu cầu phản tố của ông V đưa ra là không có cơ sở. Cụ thể các quyết định và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được UBND tỉnh B ban hành từ lâu (từ năm 2001 đến nay). Do đó căn cứ khoản 2 Điều 184, điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án xem thời hiệu về việc phản tố và ra Quyết định đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn V.

- *Bị đơn ông Nguyễn V trình bày:* Vào năm 1991, 1992 gia đình ông khai phá diện tích đất 46.175,7m^2 tọa lạc tại thôn L, xã T, H, tỉnh Bình Thuận để sản xuất trồng lúa và trồng cây. Đến năm 1996 UBND tỉnh B thu hồi đất và giao đất cho Công ty TNHH V1 thuê nhưng không ban hành quyết thu hồi, không bồi thường hỗ trợ cho gia đình ông V khi thu hồi đất. Sau đó UBND tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH V1 đối với diện tích 46.175,7m^2 ha đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R442071 tọa lạc tại thôn L, xã T, H, tỉnh Bình Thuận.

Do đó, ông V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH V1 trả lại diện tích 46.175,7m^2 ha đất cho gia đình ông và yêu cầu hủy: Quyết định số: 140/ QĐ-CT- UBND ngày 19/01/2001, Chủ tịch UBND tỉnh B V/v thu hồi và cho Công ty TNHH V1 thuê đất để phát triển rừng nguyên liệu tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận; lý do: Ban hành không đúng thẩm quyền; hủy Quyết định số: 322/ QĐ-CT-UBND, ngày 05/3/2001 Chủ tịch UBND tỉnh B V/v cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R442071 đối với diện tích 809.9594 ha cho Công ty TNHH V1; lý do: Ban hành không đúng thẩm quyền; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R442071 ngày 05/3/2001 của UBND tỉnh B cấp cho Công ty TNHH V1 đối với diện tích 809.9594 ha; lý do: Cấp không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

- *Tại Văn bản số 2440/UBND NCKSTTHHC, ngày 02 tháng 7 năm 2020 Ủy ban nhân dân tỉnh B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B trình bày:*

Ngày 19/01/2001, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số: 140/QĐ-CT.UBBT về việc thu hồi đất và giao cho Công ty TNHH V1 (nay là Công ty TNHH V1) để phát triển rừng nguyên liệu tại xã T, huyện H. Theo đó, ngày 15/02/2001 đại diện Sở Địa chính (nay là Sở T5), Sở N, C, Lâm trường Hàm Thuận Nam, Phòng Địa chính huyện H và UBND xã T bàn giao đất tại thực địa cho Công ty TNHH V1 theo đúng quy định (có biên bản kèm theo) và không thể hiện tài sản trên đất. Như vậy, căn cứ Quyết định thu hồi đất và cho Công ty TNHH V1 thuê đất và Biên bản bàn giao đất tại thực địa nêu trên thì tại thời điểm thu hồi đất cho Công ty TNHH V1 thuê để trồng rừng nguyên liệu với diện tích 742,79ha thì trên diện tích đất cho thuê này không thể hiện tài sản của hộ ông Nguyễn V.

Theo quy định của Luật Đất đai việc thu hồi đất, giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức là thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh. Theo đó: Quyết định số 140/QĐ-CT.UBBT ngày 19/01/2001 về việc thu hồi đất và cho Công ty V1 thuê đất và Quyết định số 322/QĐ-CT.UBND ngày 05/3/2001 về việc cấp Giấy chứng nhận QSD đất số R442071 cho Công ty TNHH V1, đều do Chủ tịch UBND tỉnh ký là không phù hợp với các quy định của Luật Đất đai (khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 36 Luật Đất đai năm 1993, sửa đổi bổ sung năm 2001;

khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 44, khoản 1 Điều 52 Luật Đất đai năm 2003 và nay là khoản 1 Điều 59, khoản 1 Điều 66, khoản 1 Điều 105 Luật Đất đai năm 2013).

Căn cứ các quyền, nghĩa vụ của đương sự và quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quy định tại Điều 70, 73 Bộ Luật TTDS; đồng thời, theo quy định tại Điều 2, khoản 4 Điều 7 Thông tự liên tịch số: 01/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2014, thì việc UBND tỉnh sửa đổi, hủy bỏ các quyết định nêu trên, không trái với quy định của pháp luật và trong quá trình giải quyết vụ án đương sự có quyền sửa đổi quyết định hành chính khi có yêu cầu hủy. Do đó, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số: 1331/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 về việc điều chỉnh thẩm quyền cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Quyết định số: 140/QĐ-CT.UBBT ngày 19/01/2001 và Quyết định số 322/QĐ-CT.UBBT ngày 05/3/2001 từ Chủ tịch UBND tỉnh B thành UBND tỉnh B là đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2024/DS-ST ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định:

Áp dụng: khoản 9 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; điểm d khoản 1 Điều 12; Điều 14, 15; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V1.

Buộc ông Nguyễn V và vợ, con của ông V phải khai thác toàn bộ cây bạch đàn và tháo gỡ tài sản khác (nếu có) để trả lại diện tích 46.175,7m^2 đất cho Công ty TNHH V1 tại thửa R.tr6-242400 dự án trồng rừng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R442071 ngày 05/3/2001 của UBND tỉnh B cấp cho Công ty TNHH V1 tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận, theo Trích đo bản đồ vị trí khu đất tranh chấp do Công ty TNHH T6 lập ngày 25/7/2018 kèm theo.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn V yêu cầu Công ty TNHH V1 trả lại diện tích đất tranh chấp 46.175,7m^2 và yêu cầu hủy Quyết định số: 140/QĐ-CT- UBND, ngày 19/01/2001 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc thu hồi và cho Công ty TNHH V1 thuê đất để phát triển rừng nguyên liệu tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận; Quyết định số: 322/QĐ-CT- UBND, ngày 05/3/2001 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R442071 đối với diện tích 809.9594ha cho Công ty TNHH V1; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R442071 ngày 05/3/2001 của UBND tỉnh B cấp cho Công ty TNHH V1 đối với diện tích 809.9594ha tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH V1: Công ty TNHH V1 nhận lại 52 cây Điều của ông Nguyễn V và trả 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) cho ông Nguyễn V.

Ngoài ra, Bản sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm; về chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 23/9/2024, bị đơn ông Nguyễn V kháng cáo Bản án sơ thẩm yêu cầu

sửa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH V1.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Bị đơn ông V và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông V thay đổi kháng cáo: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm với lý do phần đất tranh chấp có nguồn gốc của gia đình ông V khai hoang từ năm 1991-1992 để trồng lúa và trồng cây ngắn ngày. Đến hết năm thứ 3 thì trồng cây điều, đến khi UBND tỉnh thu hồi đất giao cho Công ty TNHH V1 thì trên diện tích 36.000m^2 đất đang có cây bạch đàn. Theo quy định tại khoản 8 Điều 6 của Nghị định số 22/1998/NNĐ-CP của Chính phủ quy định khi Nhà nước thu hồi đất thì ông V được bồi thường và Tại Quyết định số 140/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh B có ghi rõ phải xem xét bồi thường. Tòa án sơ thẩm không xem xét công sức tôn tạo của gia đình ông V mặc dù ông V đã có khiếu nại từ năm 2006 nhưng chưa được giải quyết. Đến năm 2009, Công ty có giao trả đất lại cho các hộ dân tên Lê Châu Phạm L, Đặng Duy Q nhưng Công ty khởi kiện yêu cầu ông V giao trả đất là chưa đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị hủy án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn V1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có ý kiến*:* Không đồng ý với kháng cáo của ông V vì không có căn cứ xác định ông V khai hoang. Ông V cũng không kê khai đăng ký quyền sử dụng đất. Trước đây ông V có khiếu nại và được Thanh tra tỉnh Bình Thuận giải quyết khiếu nại tại Công văn số: 261 ngày 21/01/2021 không chấp nhận khiếu nại yêu cầu của ông V. Đối với phần cây bạch đàn trồng trên đất do ông V không yêu cầu nên Công ty tự nguyện bồi thường 20 triệu đồng. Tại phiên tòa hôm nay Công ty tự nguyện bồi thường thêm cho ông V giá trị cây bạch đàn là 20 triệu đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Pháp Luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo của bị đơn ông V thấy rằng phần đất do gia đình ông V khai hoang để trồng lúa và trồng cây ngắn ngày, khi Ủy ban nhân dân tỉnh B thu hồi và giao cho Công ty TNHH V1 thuê đất nhưng Tòa án chưa xem xét định giá các cây trồng trên đất để bồi thường cho ông V khi thu hồi là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn Công ty TNHH V1 tự nguyện bồi thường thêm 20.000.000 đồng nhưng ông V không đồng ý. Do đó, đề nghị căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông V, hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn V làm trong hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn V, nhận thấy:

Tại trích đo bản đồ vị trí khu đất tranh chấp do Công ty TNHH T6 lập ngày 25/7/2018 đã xác định phần đất tranh chấp giữa Công ty TNHH V1 với ông V có diện tích 46.175,7m^2 toạ lạc tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Nguyên đơn Công ty TNHH V1 khai phần đất tranh chấp có nguồn gốc do UBND tỉnh B có quyết định thu hồi đất và cho Công ty TNHH V1 thuê đất, đến ngày 03/5/2001 Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban tỉnh B ban hành Quyết định số 322/QĐ-CT-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R442071 cho Công ty trách nhiệm hữu hạn V1 đối với diện tích 809.9595ha đất tại xã T, huyện H, tỉnh Ninh Thuận. Vào năm 2015, Công ty đã khai thác và trồng cây keo lá tràm nhưng sau đó ông V vào lấn chiếm để trồng cây bạch đàn và trồng cấy ngắn ngày (khoai mì).

Còn bị đơn ông V khai vào năm 1991 gia đình ông V khai hoang phục hóa đất để trồng lúa và trồng cây ngắn ngày, nhưng đến ngày 19/01/2001 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số: 140/QĐ-CT-UBND về việc thu hồi và giao cho Công ty TNHH V1 thuê đất để phát triển rừng nguyên liệu tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận mà chưa xem xét bồi thường công sức khai phá, tôn tạo đất cho ông V, trong khi tại Quyết định số: 140/QĐ-CT-UBND có ghi rõ là Công ty TNHH V1 có trách nhiệm thực hiện việc bồi thường nhưng Công ty không thực hiện.

[3] Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/9/2019 đã xác định trên diện tích 36.000m^2 đất do bị đơn ông V trồng cây bạch đàn xen kẽ cây keo lá tràm và 52 cây điều. Tòa án sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ và định giá phần giá trị cây trồng trên đất tranh chấp, công sức cải tạo đất của bị đơn ông V đối với phần đất đang tranh chấp.

Tại phiên toà phúc thẩm, ông V cho rằng khi Ủy ban nhân dân tỉnh B thu hồi đất và giao cho Công ty TNHH V1 thì có yêu cầu thực hiện việc bồi thường nhưng công ty không thực hiện trong khi phần đất do gia đình ông khai phá để sử dụng từ năm 1992 đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó khi Nhà nước thu hồi phải được xem xét bồi thường cho ông V theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo uỷ quyền của Công ty TNHH V1 khai khi Công ty được UBND tỉnh B giao đất có biên bản bàn giao đất nhưng không xác định phần tài sản, cây trồng trên đất. Hiện tại ông V có lấn chiếm và trồng cây bạch đàn nên Công ty tự nguyện bồi thường giá trị cây bạch đàn cho ông V 20.000.000 đồng. Bị đơn ông V không đồng ý vì giá trị 1ha đất trồng cây bạch đàn có giá trị từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng/1ha.

[4] Xét thấy việc thu thập chứng cứ chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên toà phúc thẩm không thực hiện bổ sung được. Tại phiên toà phúc thẩm các bên đương sự cũng không thoả thuận được phần bồi thường.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất hủy Bản án dân sự sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hủy Bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên.

[5] Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do Hủy án nên án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được xác định lại khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn V.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2024/DS-ST ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)